

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Bản án số: 491/2020/HSST
Ngày 28/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan H C

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đ T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị L. A; Bà Trần Thị H; Ông Lê P.H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 425/2020/TL.HSST ngày 05/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2020/QĐXXST-HS ngày 07/12/2020 đối với bị cáo:

Đỗ Thành. N, sinh ngày 10/6/1990 tại tỉnh ND; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 15, xã XT, huyện XT, tỉnh Đ; Giới tính: N; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Đoàn Th, Đảng phái: không; Con ông Đỗ X. L và bà Phạm Thị B; Danh chỉ bản số 000000349, lập ngày 19/3/2020 tại Công an quận M, thành phố H; Tiền án, tiền sự: không; Giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2020; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thành N tại phiên tòa: Luật sư Phạm Thị H - Công ty Luật TNHH HQM thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

- Bị hại:

1, Vợ chồng chị Lê Thị X, sinh năm 1991 và anh Trịnh Tài L, sinh năm 1989; Cùng cư trú: Thôn O, xã TC, huyện T.H, tỉnh T.H; Có mặt.

2, Vợ chồng chị Nguyễn Thị T. H1, sinh năm 1991 và anh Nguyễn Minh O, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: số 191, phố P.Th, phường C, thành phố LC, tỉnh LC; Hiện cư trú: Số 809, phố C.U phường C, thành phố L, tỉnh LC; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1, Anh Phạm Xuân S, sinh năm 1994; Cư trú: Thôn HC, xã TH, huyện K, tỉnh HD; Vắng mặt.

2, Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1983; Cư trú: Số 9, lô 4, khu liên kề HN, thôn T, xã T.L, huyện Th. Tr, thành phố H; Có mặt.

3, Bà Phạm Thị B, sinh năm 1963; Cư trú: Số 39, đường V, phường V, quận HD, thành phố H; Có mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Hoàng Ngọc Th, sinh năm 2000; Cư trú: Xóm B1, xã K, huyện Đ, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thành N không có nghề nghiệp, N đọc trên mạng xã hội thấy thông tin có người rao bán nhiệt kế đo nhiệt độ cơ Th với giá 1.270.000 đồng/01 chiếc nên N nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của những người muốn mua nhiệt kế. N đã liên hệ với anh Phạm Xuân S (Sinh năm 1994; Trú tại: Thôn HC, xã TH, huyện K, tỉnh HD - là bạn quen biết của N) và nói với anh S là N đang có lô hàng nhiệt kế điện tử ở Sài Gòn cần bán với giá là 1.270.000 đồng/01 chiếc nên nhờ anh S xem ai cần mua để góp vốn cùng N mua chung nhằm mục đích chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua.

Anh S tưởng thật nên ngày 09/3/2020 đã giới thiệu chị Lê Thị X (Sinh năm 1991; Trú tại: Thôn O, xã TC, huyện T.H, tỉnh T.H) có 01 lô hàng nhiệt kế điện tử bán giá 1.270.000 đồng/ 01 chiếc, chị X thấy rẻ đã đồng ý mua và anh S đã cho chị X số điện thoại của N để chị X liên hệ trực tiếp với N. Chị X cùng chồng là anh Trịnh Tài L (Sinh năm 1989; Trú tại: Thôn O, xã TC, huyện T.H, tỉnh T.H) đã liên hệ trực tiếp với N và hẹn gặp N tại số 4 phố K, phường G, HM, H. Ngày 10/3/2020, tại số 4 phố K, N đã giới thiệu với vợ chồng chị X, anh L là N đang có 01 lô hàng gồm 2.300 chiếc nhiệt kế điện tử đang chuyển từ Sài Gòn ra và đang cần tiền để góp vốn đặt cọc. Vợ chồng chị X, anh L đồng ý, rồi làm hợp đồng mua bán và đặt cọc cho N số tiền 80.000.000 đồng. N bảo với vợ chồng chị X, anh L chuyển số tiền đặt cọc vào tài khoản của chủ lô hàng trong Sài Gòn mang tên Phạm Thị B (mẹ đẻ bị cáo) và anh L đã chuyển khoản từ tài khoản của anh L tại ngân hàng MB Bank số 0050103938888 đến tài khoản mang tên Phạm Thị B số 0611001985364 mở tại ngân hàng Vietcombank qua Banking số tiền 80.000.000 đồng. N hẹn với chị X ngày 11/3/2020, N sẽ giao hàng cho chị X, sau đó chị X, anh L và N về nhà nghỉ “Sắc Màu” ở số 34, ngõ 19, đường K đợi nhận hàng. Ngày 11/3/2020, không thấy N giao hàng cho mình, chị X có hỏi thì N bảo là đang tắc ở đầu Sài Gòn và đang có thêm lô hàng 1.100 chiếc nhiệt kế điện tử với giá 1.200.000 đồng/chiếc cần huy động thêm người mua, nếu không huy động thêm người mua sẽ bị mất lô hàng 2.300 chiếc mà chị X đã đặt cọc (N nói chủ lô hàng trong Sài Gòn chỉ bán theo lô, không chia lẻ để bán). Do tin tưởng nên chị X đã gọi cho anh Phạm Xuân S và chị Bùi Thị H2 (Sinh năm 1983; Trú tại: Số 9, lô 4, khu liên kề HN, thôn T, xã T.L, huyện Th. Tr, thành phố H) kêu gọi góp vốn. Anh S đã đồng ý mua và chuyển cho anh L 100.000.000 đồng vào tài khoản của anh Đỗ Khánh T số tài khoản 3525205162913 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Th.H, T.H (anh T là bạn của anh L). Chị Bùi Thị H2 đồng ý mua và đã chuyển khoản cho anh L số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó, theo yêu cầu của N thì anh L đã chuyển khoản vào tài khoản số 0611001985364 mở tại ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Thị B số tiền 200.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản số 19033408211014 mở tại ngân hàng Techcombank mang tên Hoàng Ngọc Th (Sinh năm 2000; Trú tại: Xóm B1, xã K, huyện Đ, thành phố H, là người làm dịch vụ chuyển tiền online) số tiền 70.000.000 đồng để mua máy nhiệt kế.

Đến ngày 15/3/2020, vẫn chưa thấy có hàng về, chị X có hỏi N và N tiếp tục nói dối chị X hiện lô hàng đang có thêm 1.500 chiếc nhiệt kế đo thân nhiệt nữa cần huy động thêm vốn để đầu tư nên N có bảo chị X đăng lên mạng xã hội để tìm người góp vốn. Chị X đăng bài trên mạng xã hội thì có anh Nguyễn Minh O (Sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: số 191, phố P.Th, phường C, thành phố LC, tỉnh LC; Hiện cư trú: Số 809, phố C.U phường C, thành phố L, tỉnh LC;) cùng vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H1 đã liên hệ hẹn gặp N ở 34 ngõ 19 phố K, phường G, quận H, thành phố H. Tại đây, N đã giới thiệu với vợ chồng anh O chị H1 về lô hàng nhiệt kế điện tử như trên nên vợ chồng chị H1, anh O đồng ý làm hợp đồng đặt cọc cho N. Chị H1 đã chuyển 250.000.000 đồng vào tài khoản số 0611001985364 mở tại ngân hàng Vietcombank mang tên Phạm Thị B và N hẹn ngày 16/3/2020 lô hàng sẽ về đến H.

Ngày 16/3/2020, không thấy hàng về nên vợ chồng chị H1, anh O và chị X nghi ngờ N lừa đảo nên đã đưa N đến trụ sở Công an phường G, quận H, thành phố H để trình báo.

Ngày 18/3/2020, N bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp số 41 ngày 17/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H. Quá trình bắt giữ, Cơ quan điều tra đã thu giữ của N 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen có số Imel: 353906105980867; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel A116 màu đen có số Imel 1: 362561541541561, số Imel 2: 215458262562956; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Thị B số thẻ: 9704078874300326.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Thành N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. N khai số tiền 80.000.000 đồng N nhận của vợ chồng chị X, anh L để đặt cọc mua máy đo nhiệt kế điện tử nhưng N đã không liên hệ với ai để đặt mua hàng mà N đã sử dụng số tiền đó để chuyển khoản vào tài khoản trung gian trên mạng Nohu99.Clup lập nick lấy tài khoản là “Doson205106” để sử dụng số tiền đó đánh bạc qua mạng dưới hình thức đánh tài xỉu qua mạng. Sau khi thua hết tiền, N tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để anh L, chị X tin tưởng tiếp tục chuyển 270.000.000 đồng cho N, N tiếp tục sử dụng số tiền đó để đánh bạc qua mạng, bị thua hết. Sau đó, N lại tiếp tục lừa chị X để chị X đăng tin lên mạng xã hội kêu gọi góp vốn và vợ chồng anh O, chị H1 đã góp vốn cho N 250.000.000 đồng. N tiếp tục dùng số tiền này để đánh bạc trên mạng, bị thua hết. Đến nay không có khả năng trả lại tiền cho vợ chồng chị X, anh L và vợ chồng chị H1, anh O.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Minh O, chị Lê Thị X, anh Phạm Xuân S, chị Bùi Thị H2 trình bày như đã nêu trên. Anh Nguyễn Minh O yêu cầu Đỗ Thành N phải bồi thường cho anh 250.000.000 đồng, chị Lê Thị X yêu cầu Đỗ Thành N phải bồi thường cho chị 350.000.000 đồng. Hiện nay chị X đã bồi thường cho anh Phạm Xuân S số tiền 60.000.000 đồng và bồi thường Bùi Thị H2 số tiền 144.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh S và chị H2 tự thỏa thuận để chị X trả dần.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 hợp đồng gồm: hợp đồng nhận cọc ngày 15/3/2020 ký giữa N và anh Nguyễn Minh O và hợp đồng mua bán ngày 10/3/2020 ký giữa N và chị Lê Thị X. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên 02 hợp đồng kết luận:

- Các chữ “người làm chứng” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, chữ viết tại dòng chữ viết từ thứ 1 đến thứ 3 và các chữ “tôi tên là” tại dòng chữ viết thứ 4 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Đỗ Thành N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Thành N trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ đã kết luận ở trên) so với chữ viết, chữ ký của Đỗ Thành N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra.

Quá trình thực nghiệm điều tra xác định Đỗ Thành N có sử dụng số điện thoại 0375.911.437 để đăng nhập vào chơi game Nohu99.club. N liên hệ qua số điện thoại 0813.555.555 và 0978.969.999 để được cho số tài khoản 0451000503941 mang tên Hoàng Trung K (Sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: TDP Đ4, phường Đ, quận BTL, thành phố Hi) mở tại ngân hàng Vietcombank và chuyển tiền vào để đánh bạc. Quá trình thực nghiệm thấy số điện thoại 0375.911.437 đã xóa khỏi hệ thống nên không thể đăng ký thông tin lại, xóa số điện thoại là xóa hết lịch sử chơi đánh bạc.

Ngày 19/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H có văn bản số 823 ngày 19/5/2020 gửi Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử - Bộ thông tin truyền thông về việc cho biết trang game Nohu99.clup có được cấp phép hoạt động không. Ngày 22/5/2020, Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử - Bộ thông tin truyền thông có văn bản số 866 phúc đáp như sau: Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử đã tiến hành truy cập vào tên miền www.nohu99.clup, tại thời điểm kiểm tra tên miền này không hoạt động. Cục phát thanh truyền hình và thông tin điện tử không cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng nào tên miền www.nohu99.clup.

Đối với Hoàng Trung K là chủ tài khoản số 0451000503941 mở tại ngân hàng Vietcombank mà N khai đã chuyển tiền của chị Lê Thị X và Nguyễn Minh O vào số tài khoản này để đánh bạc. Hiện Hoàng Trung K đang vắng mặt tại nơi cư trú nên cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ xử lý được. Xác minh số tài khoản ngân hàng mang tên K xác định: Số tài khoản trên nhận tiền của rất nhiều người chuyển vào, trong đó có N. Sau khi nhận tiền, K chuyển khoản qua Internet banking đến nhiều tài khoản khác, không xác định được số tiền K chuyển đi cho người khác có phải là tiền nhận của N không.

Đối với tài khoản Vietcombank số 0611001985364 chủ tài khoản là Phạm Thị B. Bà B khai do N không có chứng minh thư nhân dân nên N đã nhờ chị Phạm Thị B, là mẹ đẻ của N đứng ra mở tài khoản thẻ. Sau đó, N đăng ký Internet banking số tài khoản đó bằng số điện thoại của N để N thực hiện mọi giao dịch trên điện thoại của N. Bà B cho biết mọi giao dịch trên tài khoản bà mở cho N bà không hề biết và không rõ N sử dụng số tài khoản đó vào mục đích gì nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà B.

Đối với Hoàng Ngọc Th là chủ tài khoản số 19033408211014 mở tại ngân hàng Techcombank có làm dịch vụ chuyển tiền online. Quá trình điều tra xác định N có nhờ Th nhận 70.000.000 đồng hộ N từ tài khoản của anh Trịnh Tài L sau đó Th chuyển hộ N sang số tài khoản 0451000503941 mở tại ngân hàng Vietcombank do tài khoản của N đã hết hạn mức chuyển khoản. Quá trình nhờ Th nhận tiền và chuyển tiền thì Th chỉ được trả phí theo thỏa thuận mà Th không biết

được việc số tiền chuyển cho Th là N lừa đảo chiếm đoạt tài sản và số tiền N nhờ Th chuyển là dùng để đánh bạc. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với Th.

Đối với hành vi đánh bạc của Đỗ Thành N, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Hoàng Trung K để làm rõ số tiền N đánh bạc chuyển vào tài khoản của K thì K đã chuyển cho ai, sử dụng vào mục đích gì. Trang mạng tên miền www.nohu99.club không được cấp phép và hiện nay không còn hoạt động nên chưa xác định được đối tượng đánh bạc với N, cho nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi đánh bạc của Đỗ Thành N để điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với chủ thuê bao 02 số điện thoại mà N đã liên hệ để được hướng dẫn chuyển tiền để đánh bạc, Cơ quan điều tra xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0978.969.999 là Nguyễn Trường Gi (Sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Số 140, MK, phường ĐN, thị xã S, tỉnh BN) và chủ thuê bao số 0813.555.555 là Nhân H.A (Sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Số 329, HQ, xóm T, xã H, thị xã P, tỉnh T.N). Anh Gi và chị H.A đều là những người kinh doanh mua bán sim thẻ nên đã đăng ký thuê bao tên của mình sau đó bán cho người khác sử dụng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh Gi và chị H.A không biết được đã bán 02 sim số điện thoại trên cho ai nên Cơ quan điều tra không làm rõ được.

Tại bản cáo trạng số 381/CT-VKS-P3 ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Đỗ Thành N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đỗ Thành N có quan điểm: Không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát truy tố; Khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra; Xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vợ chồng chị Lê Thị X và anh Trịnh Tài L có mặt tại phiên tòa có quan điểm: Không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát truy tố bị cáo; Về hình sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về dân sự: Đề nghị buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh chị là 350.000.000 đồng.

Về số tiền 100.000.000 đồng, anh chị đã nhận của anh Phạm Xuân S để đặt cọc cho bị cáo mua máy nhiệt kế, đến nay đã trả được cho anh S 60.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng, số tiền này hai bên đã tự thỏa thuận cho anh chị được trả dần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số tiền 170.000.000 đồng, anh chị đã nhận của chị Bùi Thị H2 để đặt cọc cho bị cáo mua máy nhiệt kế, đến nay đã trả được cho chị H2 144.000.000 đồng, còn nợ lại 26.000.000 đồng, số tiền này hai bên đã tự thỏa thuận cho anh chị được trả dần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quan điểm:

+ Chị Bùi Thị H2 có quan điểm: Về số tiền 170.000.000 đồng, chị đã đưa cho chị Lê Thị X và anh Trịnh Tài L để đặt cọc cho bị cáo mua máy nhiệt kế, đến nay chị H1, anh L đã trả được cho chị 144.000.000 đồng, còn nợ lại 26.000.000 đồng, số tiền này giữa hai bên đã tự thỏa thuận cho chị H1, anh L trả dần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà Phạm Thị B có quan điểm: Thẻ ngân hàng Vietcombank và Teachcombank đứng tên bà mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo và của anh Hoàng Ngọc Th là do bị cáo mượn chứng minh thư của bà để làm thẻ và sử dụng

vào mục đích cá nhân, bà chỉ đứng tên hộ nên đến nay không có ý kiến gì về 02 thẻ ngân hàng này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố Đỗ Thành N tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị: Xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 12 đến 13 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; Về số tiền anh Phạm Xuân S, chị Bùi Thị H2 đã chuyển cho bị hại Lê Thị X để chị X đặt cọc cho bị cáo mua máy nhiệt kế: Đến nay đã trả được một phần tiền, phần tiền còn lại chưa trả các bên đã thỏa thuận tự trả cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo; Bị cáo đã khai báo thành khẩn; Ăn năn hối cải; Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; Gia đình bị cáo có ông ngoại tên là Phạm Văn P có công với Cách mạng nên đề nghị xem xét mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ bản bảo đảm đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người làm chứng; Phù hợp với tài liệu là các hợp đồng mua bán, đặt cọc bị cáo ký với các bị hại; Phù hợp với kết luận giám định chữ ký, chữ viết của bị cáo trên các hợp đồng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Đỗ Thành N đã chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của vợ chồng chị Lê Thị X, anh Trịnh Tài L và chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H1, anh Nguyễn Minh O bằng thủ đoạn gian dối như sau: Mặc dù N không có lô hàng nhiệt kế điện tử và không quen biết ai có lô hàng nhiệt kế điện tử cần bán, nhưng N vẫn nói với vợ chồng chị X, anh L và vợ chồng chị H1, anh O có lô hàng nhiệt kế điện tử đo thân nhiệt cần bán với giá rẻ và ngày 16/3/2020 thì hàng về. Do tin tưởng N nên chị X, anh L và chị H1, anh O đã ký hợp đồng mua bán, hợp đồng đặt cọc và theo yêu cầu của N đã chuyển khoản số tiền nêu trên vào tài khoản thẻ ngân hàng do N quản lý. Sau khi nhận được tiền của chị X, anh L và chị H1, anh O, N đã rút tiền ra chi tiêu cá nhân. Đến ngày 16/3/2020, không thấy N giao hàng nên vợ chồng chị H1, anh O và chị X đã đến trụ sở Công an phường G trình báo.

Đỗ Thành N thực hiện hành vi gian dối nêu trên với lỗi cố ý. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 600.000.000 đồng. Thời điểm hoàn thành tội phạm

được xác định từ lúc N chiếm giữ được số tiền các bị hại chuyển cho N.

Với hành vi phạm tội nêu trên, cáo trạng số 381/CT-VKS-P3 ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Đỗ Thành N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

Khi lượng hình, xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; Ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Ông ngoại bị cáo tên là Phạm Văn P được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự thì bị cáo Đỗ Thành N phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại là vợ chồng chị X, anh L và vợ chồng chị H1, anh O.

Bị cáo chưa trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại nên buộc bị cáo phải trả cho vợ chồng chị Lê Thị X, anh Trịnh Tài L số tiền 350.000.000 đồng; Trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H1, anh Nguyễn Minh O số tiền 250.000.000 đồng.

Về số tiền mà vợ chồng chị X, anh L nhận của anh Phạm Xuân S và chị Bùi Thị H2 để đưa cho bị cáo mua nhiệt kế thì tại phiên tòa chị X, anh L đề nghị được trả dần, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết; Chị H2 có quan điểm đồng ý để chị X, anh L trả dần, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết; anh S có lời khai tại Cơ quan điều tra (bút lục số 109a) đồng ý để chị X, anh L trả dần, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại thu giữ của bị cáo.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thành N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Thành N 13 (mười ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2020.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo Đỗ Thành N phải trả lại cho vợ chồng chị Lê Thị X và anh Trịnh Tài L số tiền đã chiếm đoạt là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H1, anh Nguyễn Minh O số tiền đã chiếm

đoạt là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về số tiền vợ chồng chị Lê Thị X, anh Trịnh Tài L đã nhận của anh Phạm Xuân S và chị Bùi Thị H2: Do các bên có quan điểm tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Masstel A116 màu đen có số Imei 1: 362561541541561, số Imei 2: 215458262562956; 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone 11 Promax 64 GB màu đen, Imei 1: 353906105980867. Imei 2: 353906106003487 (tên điện thoại Iphone 11 Promax, dung lượng 64 GB được ghi theo phần giới thiệu của máy).

Số vật chứng trên, hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự thành phố H theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 13/10/2020 giữa Công an thành phố H và Cục thi hành án dân sự thành phố H.

7. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) - án phí hình sự sơ thẩm; 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) - án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vợ chồng chị Lê Thị X, anh Trịnh Tài L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H1, anh Nguyễn Minh O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Bùi Thị H2, bà Phạm Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Xuân S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát ND TP H;
- Công an thành phố H;
- Cục Thi hành án DS TP H;
- Trại tạm giam số 2 Công an TP H;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phan H C
(Đã ký)**